

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUẦN GIÁO  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST

Ngày 04/5/2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Nga.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Bạc Thị Phương và bà Bạc Thị Hồng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa:** Ông Giàng A Thái, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2022/TLST-HN&GD ngày 17 tháng 02 năm 2022 về việc Ly hôn; tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXX-ST ngày 28 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị P; sinh năm: 1995; địa chỉ: Bản N, xã N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Nông nghiệp. Vắng mặt có lý do.

2. *Bị đơn:* Anh Lò Văn L, năm sinh: 1988; địa chỉ: Bản G, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Nông nghiệp. Vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 02 năm 2022, biên bản lấy lời khai, đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Lò Thị P trình bày:*

Về hôn nhân: Chị Lò Thị P và anh Lò Văn L đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 24/3/2014. Kể từ khi kết hôn chúng tôi sống không hạnh phúc, anh L hay đi uống rượu về nhà không làm chủ được bản thân nên đánh chị P. Đến tháng 9 năm 2019, do không thể chịu đựng được, nên chị P đã về nhà bố mẹ để ở bản N, xã N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; ở cho đến nay. Trong thời gian không chung sống với anh L nữa, thì giữa hai bên không liên lạc, quan tâm chia sẻ. Đến nay chị P không còn tình cảm với anh Lò Văn L, nên chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho chị P được ly hôn với anh Lò Văn L.

Về con chung: Chị Lò Thị P và anh Lò Văn L, có 01 con chung, cháu tên là Lò Thị D; sinh ngày 18/11/2013. Hiện tại cháu D đang ở cùng với chị P ở bản N, xã N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Khi ly hôn chị P nhận trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi về giao nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Lò Thị P và anh Lò Văn L không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ thu về và nợ phải trả; nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lò Thị P đề nghị được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành giao văn bản tố tụng cho anh Lanh, thông qua ông Lò Văn P là anh trai của anh Lò Văn L. Quá trình giao các văn bản, ông P cho biết đã giao các văn bản cho anh L và cũng đã gọi điện cho anh L để thông báo và hỏi anh L có ý kiến gì về yêu cầu của chị P, thông qua ông P được biết anh L có ý kiến về việc khởi kiện của chị P như sau: Về hôn nhân, anh L đồng ý ly hôn, anh L đồng ý giao cháu Lò Thị D, sinh ngày 18/11/2013 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục và anh L hiện tại điều kiện công việc khó khăn, thu nhập bấp bênh nên chưa cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và nợ chung không có.

*Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:*

- Về tố tụng: Đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Về nội dung vụ án: Căn cứ lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh của Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P, cho chị P ly hôn với anh L; đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình; giao cháu Lò Thị D, sinh ngày 18/11/2013 cho chị Lò Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. Các bên chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về phân cấp dưỡng nên không đề xem xét về phân cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và nợ không có nên không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị P, do chị P là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện: Xét đơn khởi kiện của chị Lò Thị P với anh Lò Văn L thì được xác định là vụ án yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Thẩm quyền giải quyết: Thời điểm chị P nộp đơn khởi kiện, anh L có nơi ĐKKHKT tại bản G, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng cho chị Lò Thị P và anh Lò Văn L đúng theo quy định tại khoản 2, khoản 5

Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên chị P có đơn xin vắng mặt, việc đưa ra xét xử vắng mặt của chị P vẫn đảm bảo quyền lợi của chị P và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa được ấn định vào ngày 15/4/2022 anh L vắng mặt nhưng không có lý do, như vậy anh L đã từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ của mình đã được quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc vắng mặt anh L, HĐXX vẫn mở phiên tòa theo thời gian đã được ấn định tại Quyết định hoãn số: 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022, là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị P và anh Lò Văn L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 24/3/2014. Anh chị kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc, thực hiện theo đúng trình tự đăng ký kết hôn, nên có thể xác định hôn nhân của chị P và anh L là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật Hôn nhân & gia đình. Xét về yêu cầu giải quyết ly hôn thì thấy: Chị P cho rằng trong cuộc sống anh L uống rượu, không tu chí xây dựng gia đình, cuộc sống vợ chồng thiếu sự quan tâm chia sẻ, không có hạnh phúc. Để xác định nguyên nhân dẫn đến việc chị P xin ly hôn, thì Tòa án đã tiến hành xác minh thấy: Hôn nhân giữa chị P và anh L đã có mâu thuẫn, anh chị đã không còn sống chung một thời gian dài. Để chị P và anh L có cơ hội gặp gỡ hòa giải nên Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải để hòa giải cho hai anh chị quay về đoàn tụ, nhưng anh L đã không đến phiên hòa giải mặc dù đã được thông báo hợp lệ; đồng thời chị P cũng có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải vì chị cho rằng giữa chị P và anh L không thể kéo dài cuộc sống chung vì cuộc sống không có hạnh phúc. Qua đó thấy rằng, anh L và chị P đều không có thiện chí hòa giải quay về đoàn tụ. Từ những căn cứ trên thấy rằng, tình cảm vợ chồng của chị P và anh L đã rạn nứt, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài; vì vậy yêu cầu ly hôn của chị Lò Thị P là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình; để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị P, cho chị Lò Thị P ly hôn với anh Lò Văn L.

[3] Về con chung: Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ thấy rằng, cháu Lò Thị D, sinh ngày 18/11/2013 hiện nay được chị P trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Khi nuôi dưỡng con chung, chị P đảm bảo về chỗ ở và điều kiện sinh hoạt, học tập cho cháu D. Vì vậy để đảm bảo cho cháu D, tiếp tục có cuộc sống ổn định, có điều kiện phát triển tốt nhất về cả thể chất lẫn tinh thần; thì HĐXX thấy cần căn cứ vào Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, giao cho chị Lò Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi thành niên và đủ khả năng lao động. Chị P không yêu cầu anh Lanh cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần cấp dưỡng; việc không yêu cầu cấp dưỡng, HĐXX thấy không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của cháu D, vì chị P vẫn đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng cháu D, nên HĐXX không giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Không có.

[2.4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và đơn đề nghị miễn án phí. Hội đồng xét xử, xét thấy chị Lò Thị P đủ điều kiện được xét miễn án phí ly hôn.

[3] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra đề nghị về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Áp dụng:**

- Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân & gia đình.

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị P được ly hôn với anh Lò Văn L.
2. Về con chung: Giao cho chị Lò Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Thị D, sinh ngày 18/11/2013 cho đến khi thành niên và đủ khả năng lao động. Chị Lò Thị P không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về phân cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị Lò Thị P có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con, cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Anh Lò Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

Chị Lò Thị P, anh Lò Văn L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Không có.
4. Về án phí: Chị Lò Thị P được miễn án phí ly hôn.
5. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị P và anh Lò Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

#### **Nơi nhận**

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Dương sự;
- UBND xã Q;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lương Thị Nga**























***Nơi nhận***

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Dương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- Lưu.

**Lương Thị Nga**